TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

Số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2018
V/v "Không công nhận vợ chồng giữa chị H và anh T "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**

2. Bà **Dương Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.T, tỉnh T.N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.T, tỉnh T.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **T.T.K.H**, sinh năm 1981 – có mặt

Địa chỉ: Số 16, hẻm 19, đường N.V.L, ấp L.M, xã L.T.B, huyện H.T, tỉnh T.N.

2.Bị đơn: Anh **P.V.T**, sinh năm 1958 – có mặt

Địa chỉ: Số E322, ấp L.Đ, xã L.T.B, huyện H.T, tỉnh T.N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018, quá trình cung cấp chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn chị T.T.K.H trình bày:

Chị và anh P.V.T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Chị và anh chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không còn phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi nhau, tình cảm không còn, không thể hàn gắn. Hiện tại chị và anh đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Nhận thấy, cuộc sống không còn hạnh phúc, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh có 01 con chung tên T.P.M.T, sinh ngày 03/3/2008, chị đồng ý giao cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 3 năm 2018 bị đơn anh P.V.T trình bày:

Anh xác định chung sống vợ chồng với chị H từ năm 2007 là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không còn phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên cãi nhau, cả 02 đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay anh cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Cả hai có một con chung như chị H trình bày.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/*Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng*:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn anh P.V.T hiện cư trú tại E322, ấp L.Đ, xã L.T.B, huyện H.T, tỉnh T.N. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện H.T, tỉnh T.N theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị T.T.K.H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh P.V.T là vợ chồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]Xét yêu cầu của chị H thấy rằng: Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H, anh T yêu cầu Tòa án không công nhận cả hai là vợ chồng, căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T.

[4] Chị H, anh T có một con chung tên T.P.M.T, sinh ngày 03/3/2008, chị H, anh T thống nhất giao cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, mặc khác tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2018 T.P.M.T có nguyện vọng được chung sống với anh T nên giao T.P.M.T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung : Chị H, anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Vế án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị T.T.K.H và anh P.V.T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục T.P.M.T, sinh ngày 03/3/2008.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T trình bày không có, không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị T.T.K.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000

đồng theo biên lai thu số 0019402 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.T, tỉnh T.N. Ghi nhận chị H đã nộp xong.

Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T.N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.N.
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.